

Số: **331/2022/QĐST-HNGĐ**

Ninh Hòa, ngày 25 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị A - sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh H.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B - sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị A và ông Phạm Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị A và ông Phạm Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Đức C, sinh ngày: 10/10/2009 cho ông Phạm Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Văn B không yêu cầu bà Trương Thị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trương Thị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con chung Phạm D, sinh ngày: 09/8/1995 và Phạm Thị Yến E, sinh ngày: 28/11/1997 đã trưởng thành nên bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Bà Trương Thị A, ông Phạm Văn B không yêu cầu giải quyết.

- Án phí: Bà Trương Thị A, ông Phạm Văn B mỗi người phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị A tự nguyện nộp án phí thay cho ông B. Tổng cộng bà A phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004694 ngày 05/4/2002 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

Hoàn lại cho bà Trương Thị A 150.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, GCNKH số: 24, ngày 10/6/1995
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Nguyệt